

Bản án số: **60/2020/DS-ST**.

Ngày: 23/6/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lê Văn Thành**.

+ Ông **Trần Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiên** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Đoàn Thị Ngọc H**, sinh năm: 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Khu X, thị trấn Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn A**, sinh năm 1974.(có mặt).

Chị **Huỳnh Thị C**, sinh năm: 1977 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Z, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Q cũng như người đại diện ủy quyền hợp pháp của bà là chị Đoàn Thị Ngọc H trình bày thống nhất:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Quý và chị Hân trình bày:

Ngày 12/02/2014, vợ chồng anh A và chị C mở và làm đầu thảo dây hui tiền, mỗi phần là 5.000.000đ. Dây hui có 11 phần, chị Q góp 01 phần, 03 tháng khai 01 lần. Đến kỳ khai hui thứ 10 thì chị Q hốt hui được 47.300.000đ. Vợ chồng anh A

và chị C chỉ giao cho chị Q 35.800.000đ còn nợ lại 11.500.000đ thì ngưng không trả nữa.

Đến ngày 11/9/2018 chị Q có yêu cầu địa phương hòa giải để phía bị đơn trả nợ. Sau đó có trả được 800.000đ. Còn lại 10.700.000đ.

Nay chị Q yêu cầu vợ chồng anh A và chị C liên đới trả cho chị 10.700.000đ và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

II/ Phần trình bày của bị đơn:

Tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Văn A và chị Huỳnh Thị C thừa nhận là vợ chồng chị có mở và làm đầu thảo dây hụi ngày 12/02/2014, hụi tiền, mỗi phần là 5.000.000đ. Chị Q có góp 01 phần, sau đó chị Q hốt được 47.300.000đ, vợ chồng anh chị có trả cho chị Q 02 lần là 36.600.000đ. Hiện còn nợ lại 10.700.000đ như chị Q khai là đúng. Nay kinh tế chị gặp khó khăn xin trả dần mỗi tháng 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với anh A và chị C có địa chỉ tại ấp Z, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị Q khởi kiện yêu cầu anh A và chị C liên đới trả 10.700.000đ tiền nợ hụi, chứng minh bằng danh sách hụi viên ngày 12/02/2014, Biên bản hòa giải của ấp Mỹ Tường, xã Mỹ Trung ngày 05/9/2018. Bị đơn anh A và chị C tại phiên tòa hôm nay xác định còn nợ chị Q 10.700.000đ tiền hụi, như lời trình bày của chị Q là đúng. Nhận thấy việc xác nhận nợ giữa nguyên đơn với bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hiện chị C và anh A còn nợ chị Q 10.700.000đ là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu của chị Q đòi anh A và chị C liên đới trả nợ cho chị. Nhận thấy anh A và chị C là vợ chồng tham gia hợp đồng góp hụi nhằm tạo nguồn vốn phát triển kinh tế gia đình. Tại phiên tòa hôm nay anh A và chị C cũng đồng ý liên đới trả nợ cho chị Q. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc anh A và chị C liên đới trả lại số tiền hụi còn nợ cho chị Q là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn chị Q.

Nhận thấy theo chị Q là khi góp hụi hai bên thỏa thuận: Người hụi viên phải góp hụi đầy đủ tiền hụi khi đến kỳ khai hụi và được nhận tiền hụi khi hốt hụi; Người làm đầu thảo có trách nhiệm giao đủ tiền cho hụi viên khi hụi viên hốt hụi và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Như vậy khi chị Q hốt hụi được 47.300.000đ. Nhưng anh A và chị C chỉ trả được 02 lần là 36.600.000đ thì ngưng

không trả nửa cho đến nay. Cho thấy anh A và chị C là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu khi giao kết hợp đồng góp hụi. Nay chị C xin trả dần mỗi tháng 300.000đ, không được chị Q chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần anh A n, chị C liên đới trả cho chị Q 10.700.000đ tiền nợ hụi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Q, nên bị đơn anh A và chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Xét thấy an Anh và chị C có đơn xin giảm một phần tiền án phí, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm cho anh chị 50% tiền án phí phải chịu trong vụ án này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q.

- Buộc anh Huỳnh Văn A và chị Huỳnh Thị C liên đới trả cho chị Trần Thị Q số tiền hụi còn nợ là 10.700.000đ (Mười triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh A, chị C chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh A và chị C liên đới phải chịu 267.500 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho chị Q số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) theo biên lai số 0003019 ngày 21/01/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn chị Q, bị đơn anh A và chị C được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG